CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision

INPACT MEMBER

Local Expertise
International Presence

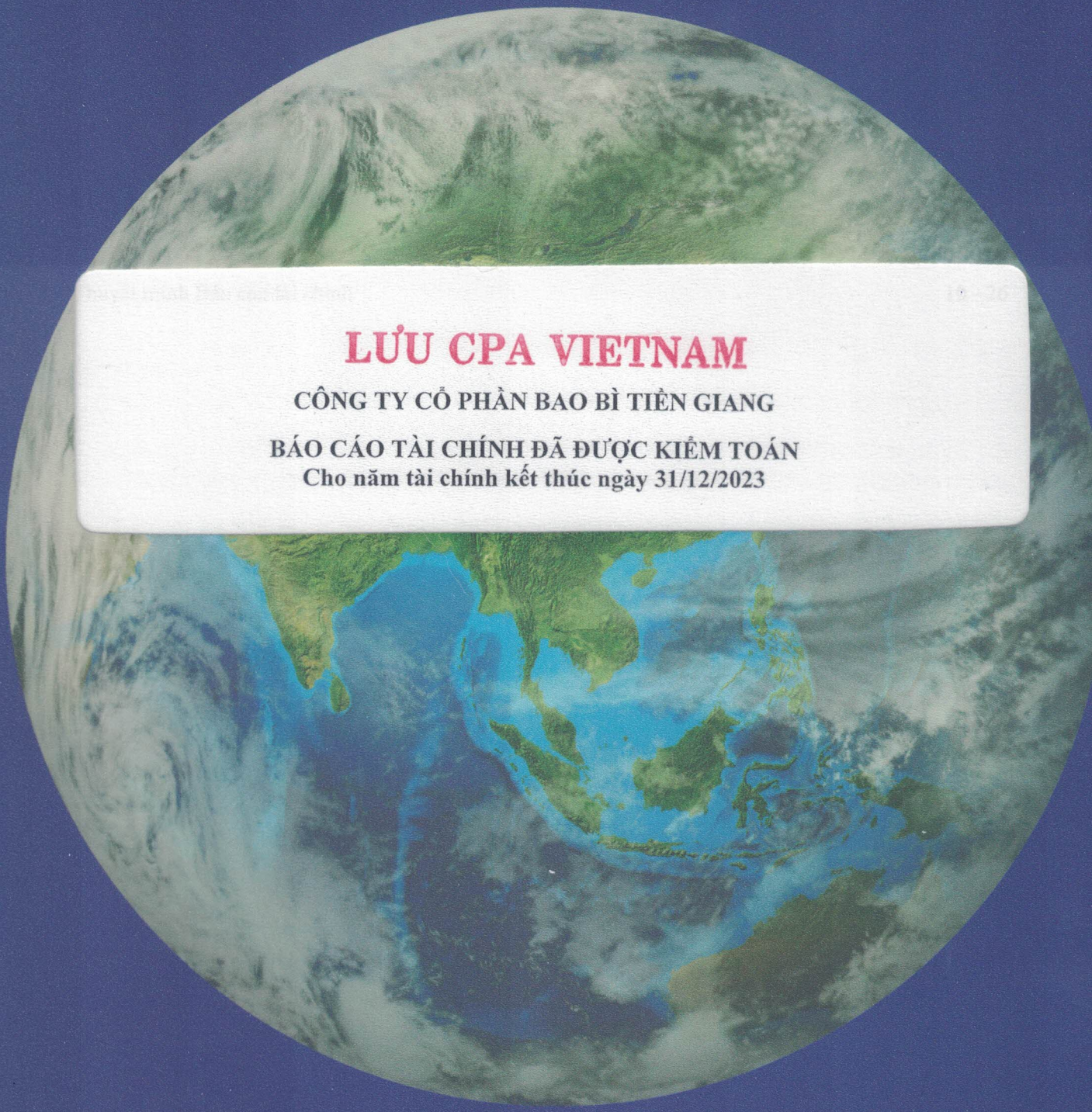

LƯU CPA VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpavietnam.vn
www.cpavietnam.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
DN: C=VN, L=TIỀN GIANG, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1200568151, E=TIGIPACK@HCM.VNN.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.03.18 17:32:15+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 12.1.1

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Xí nghiệp Bao bì Lương thực Tiền Giang thuộc Công ty Lương Thực Tiền Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 4439/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200568151 ngày 01/04/2005 và đăng ký thay đổi các lần với thay đổi gần nhất lần thứ 08 ngày 02/01/2024 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIANG PACKAGING JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TIGIPACK.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 02/01/2024 là 11.900.000.000 VND *(Bằng chữ: Mười một tỷ, chín trăm triệu đồng).*

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã BTG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quân	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 18/12/2023)
Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 27/4/2023 và từ nhiệm từ ngày 18/12/2023)
Ông Mai Thành Công	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2023)
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Trần Văn Tưởng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Việt	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Phạm Gia Bảo	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Trần Phương Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Đoàn Thanh Phong	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Trương Văn Húa	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2023)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tấn Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Trịnh Hồng Long	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Trọng Tài	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Lâm Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2023)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Ban Điều hành

Ông Hoàng Anh Tú	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 18/12/2023)
Ông Hoàng Anh Tú	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 27/4/2023 đến ngày 17/12/2023)
Ông Trần Văn Tưởng	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2023)
Ông Nguyễn Hồng Nhân	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 11/04/2023)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,

M.S.D.N: 1200588151 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG
TP. MỸ THO - T. TIỀN GIANG

Hoàng Anh Tú
Tổng Giám đốc
Tiền Giang, ngày 13 tháng 3 năm 2024

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 101/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang, được lập ngày 14/3/2024 từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa	**Vũ Xuân Hùng**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**15.104.940.014**	**17.513.967.464**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**1.694.908.707**	**3.640.436.035**
1. Tiền	111		194.908.707	1.140.436.035
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	2.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.457.942.385**	**5.579.761.789**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	5.295.769.427	5.601.014.594
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	54.000.000	906.138.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	55.013.078	19.449.315
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(946.840.120)	(946.840.120)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**5.6**	**8.911.556.497**	**8.265.106.390**
1. Hàng tồn kho	141		8.911.556.497	8.265.106.390
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**40.532.425**	**28.663.250**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	40.532.425	28.663.250
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	**200**		**3.697.715.461**	**1.098.494.663**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**3.677.892.962**	**1.098.494.663**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.677.892.962	1.098.494.663
- *Nguyên giá*	*222*		*23.249.734.991*	*28.254.608.921*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(19.571.842.029)*	*(27.156.114.258)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**19.822.499**	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	19.822.499	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**18.802.655.475**	**18.612.462.127**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	**300**		**448.272.712**	**499.926.943**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**448.272.712**	**499.926.943**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	82.095.750	383.339.910
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	40.000.000	65.962.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	40.183.505	11.293.213
4. Phải trả người lao động	314		251.477.607	645.106
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		32.269.036	36.414.900
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.365.443	1.670.443
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		881.371	601.371
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**18.354.382.763**	**18.112.535.184**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.13**	**18.354.382.763**	**18.112.535.184**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.900.000.000	11.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*11.900.000.000*	*11.900.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.772.917.414	7.772.917.414
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.553.704.999	1.553.704.999
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.872.239.650)	(3.114.087.229)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(3.114.087.229)*	*(3.133.567.068)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*241.847.579*	*19.479.839*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**18.802.655.475**	**18.612.462.127**

Tiền Giang, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thanh Hằng	Lê Thị Thanh Hằng	Hoàng Anh Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**50.836.456.730**	**21.048.870.933**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)**	**10**		**50.836.456.730**	**21.048.870.933**
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	47.716.871.920	18.337.265.379
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**3.119.584.810**	**2.711.605.554**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	83.333.434	133.791.490
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	6.4	801.767.685	326.381.027
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	2.794.347.909	2.447.945.454
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(393.197.350)**	**71.070.563**
11.	Thu nhập khác	31	6.5	759.527.190	30.009.276
12.	Chi phí khác	32	6.5	124.482.261	81.600.000
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.5**	**635.044.929**	**(51.590.724)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**241.847.579**	**19.479.839**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**241.847.579**	**19.479.839**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.7**	**203**	**16**

Tiền Giang, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thanh Hằng	Lê Thị Thanh Hằng	Hoàng Anh Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***241.847.579***	***19.479.839***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		420.601.701	274.847.040
	- Các khoản dự phòng	03		-	(68.639.200)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(842.846.752)	(133.791.490)
3.	***Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***(180.397.472)***	***91.896.189***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.121.819.404	(108.341.930)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(646.450.107)	(888.859.351)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(651.654.231)	(923.031.594)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(31.691.674)	(28.663.250)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(1.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(388.374.080)***	***(1.857.999.936)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.400.000.000)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		759.513.318	-
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	500.000.000
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		83.333.434	133.791.490
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.557.153.248)***	***633.791.490***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(1.945.527.328)**	**(1.224.208.446)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**3.640.436.035**	**4.864.644.481**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**1.694.908.707**	**3.640.436.035**

Tiền Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Người lập	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thanh Hằng	Lê Thị Thanh Hằng	Hoàng Anh Tú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang được chuyển đổi từ Xí nghiệp Bao bì Lương thực Tiền Giang thuộc Công ty Lương Thực Tiền Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 4439/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200568151 ngày 01/04/2005 và đăng ký thay đổi các lần với thay đổi gần nhất là lần thứ 08 ngày 02/01/2024 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIANG PACKAGING JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TIGIPACK.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 02/01/2024 là 11.900.000.000 VND *(Bằng chữ: Mười một tỷ, chín trăm triệu đồng).*

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã BTG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 60 người (tại ngày 31/12/2022 là 65 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nghành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

+ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì các loại.

+ Nhập khẩu nguyên liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng.

+ Chuyển giao công nghệ thuộc ngành bao bì.

+ Kinh doanh lương thực.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất kinh doanh Bao bì và bán gạo.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản: Áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chính sau: Chi phí tiền điện và chi phí giám sát môi trường.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	30.208.000	555.085.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	164.700.707	585.351.035
Các khoản tương đương tiền	1.500.000.000	2.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	*1.500.000.000*	*2.500.000.000*
Tổng	**1.694.908.707**	**3.640.436.035**

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất từ 2,1%/năm đến 2,3%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Trang trại sạch	960.046.200	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	640.000.000	640.000.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	2.083.649.357	3.478.327.964
Công ty Bột mì Bình Đông	-	353.667.600
Phải thu các đối tượng khác	1.612.073.870	1.129.019.030
Tổng	**5.295.769.427**	**5.601.014.594**
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	***3.240.497.657***	***4.624.865.525***
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quốc tế Trường Sinh	-	900.000.000
Các đối tượng khác	54.000.000	6.138.000
Tổng	**54.000.000**	**906.138.000**

5.4 Các khoản phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
BHXY, BHYT, BHTN nộp thừa	39.393.900	-	-	-
Lãi dự thu	619.178	-	4.449.315	-
Tổng	**55.013.078**	**-**	**19.449.315**	**-**

5.5 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	958.200.920	11.360.800	958.200.920	11.360.800
Trong đó:	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm VND	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm VND	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm VND	Quá hạn trên 3 năm VND
Công ty Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	-	-	-	22.721.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực Phẩm Cà Mau	-	-	-	640.000.000
Công ty Cổ phần Dabaco Tiền Giang	-	-	-	62.526.820
Doanh nghiệp tư nhân Thiên Thanh	-	-	-	232.952.500
Tổng	-	-	-	**958.200.920**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.958.087.994	-	2.113.100.280	-
Công cụ, dụng cụ	98.821.957	-	104.698.340	-
Chi phí SX KDDD	1.870.149.222	-	2.112.287.934	-
Thành phẩm	4.983.633.324	-	3.934.155.836	-
Tổng	**8.911.556.497**	-	**8.265.106.390**	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	**40.532.425**	**28.663.250**
Chi phí bảo hiểm	-	24.288.000
Các khoản khác	40.532.425	4.375.250
Dài hạn	**19.822.499**	-
Các khoản khác	19.822.499	-
Tổng	**60.354.924**	**28.663.250**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	**5.119.533.862**	**21.637.084.701**	**1.247.841.868**	**44.732.728**	**205.415.762**	**28.254.608.921**
Tăng trong năm	**-**	**3.000.000.000**	**-**	**-**	**-**	**3.000.000.000**
Mua trong năm	-	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000
Giảm trong năm	**-**	**(8.004.873.930)**	**-**	**-**	**-**	**(8.004.873.930)**
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.004.873.930)	-	-	-	(8.004.873.930)
Số dư tại ngày 31/12/2023	**5.119.533.862**	**16.632.210.771**	**1.247.841.868**	**44.732.728**	**205.415.762**	**23.249.734.991**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	**4.986.657.810**	**20.921.268.068**	**999.341.471**	**44.732.728**	**204.114.181**	**27.156.114.258**
Tăng trong năm	**28.862.988**	**306.399.968**	**84.037.164**	**-**	**1.301.581**	**420.601.701**
Khấu hao trong năm	28.862.988	306.399.968	84.037.164	-	1.301.581	420.601.701
Giảm trong năm	**-**	**(8.004.873.930)**	**-**	**-**	**-**	**(8.004.873.930)**
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.004.873.930)	-	-	-	(8.004.873.930)
Số dư tại ngày 31/12/2023	**5.015.520.798**	**13.222.794.106**	**1.083.378.635**	**44.732.728**	**205.415.762**	**19.571.842.029**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày ngày 01/01/2023	**132.876.052**	**715.816.633**	**248.500.397**	**-**	**1.301.581**	**1.098.494.663**
Tại ngày ngày 31/12/2023	**104.013.064**	**3.409.416.665**	**164.463.233**	**-**	**-**	**3.677.892.962**

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 17.658.307.315 VND (tại ngày 01/01/2023 là 25.430.916.483 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP SX TM Tân Việt Sinh	82.095.750	82.095.750	74.308.850	74.308.850
Công ty Lương thực Trà Vinh	-	-	78.781.140	78.781.140
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	-	-	112.000.000	112.000.000
Công ty TNHH MTV Giang Tưởng Nguyên	-	-	94.248.000	94.248.000
Các đối tượng khác	-	-	24.001.920	24.001.920
Tổng	**82.095.750**	**82.095.750**	**383.339.910**	**383.339.910**

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Phước Nam Anh	-	23.562.000
Công ty TNHH Tân Việt Quốc	40.000.000	40.000.000
Các đối tượng khác	-	2.400.000
Tổng	**40.000.000**	**65.962.000**

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	**11.293.213**	**440.645.631**	**411.755.339**	**40.183.505**
Thuế GTGT	9.613.213	268.222.130	240.111.838	37.723.505
Thuế thu nhập cá nhân	1.680.000	59.278.530	58.498.530	2.460.000
Thuế tài nguyên	-	663.360	663.360	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	109.481.611	109.481.611	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.365.443	1.670.443
Tổng	**1.365.443**	**1.670.443**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	**11.900.000.000**	**7.772.917.414**	**1.553.704.999**	**(3.133.567.068)**	**18.093.055.345**
Lãi trong năm trước	-	-	-	19.479.839	19.479.839
Số dư tại ngày 31/12/2022	**11.900.000.000**	**7.772.917.414**	**1.553.704.999**	**(3.114.087.229)**	**18.112.535.184**
Số dư tại ngày 01/01/2023	**11.900.000.000**	**7.772.917.414**	**1.553.704.999**	**(3.114.087.229)**	**18.112.535.184**
Tăng trong năm	-	-	-	**241.847.579**	**241.847.579**
Lãi trong năm nay	-	-	-	241.847.579	241.847.579
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	**11.900.000.000**	**7.772.917.414**	**1.553.704.999**	**(2.872.239.650)**	**18.354.382.763**

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
Đối tượng	**Tỷ lệ**	**Số cổ phiếu**	**Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)**	**Tỷ lệ**	**Số cổ phiếu**	**Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)**
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	60,00%	714.000	7.140.000.000	60,00%	714.000	7.140.000.000
Vốn cổ đông khác	40,00%	476.000	4.760.000.000	40,00%	476.000	4.760.000.000
Tổng	**100%**	**1.190.000**	**11.900.000.000**	**100%**	**1.190.000**	**11.900.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	**11.900.000.000**	**11.900.000.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	**11.900.000.000**	**11.900.000.000**

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**1.190.000**	**1.190.000**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	**1.190.000**	**1.190.000**
Cổ phiếu phổ thông	1.190.000	1.190.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**1.190.000**	**1.190.000**
Cổ phiếu phổ thông	1.190.000	1.190.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.772.917.414	7.772.917.414
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	1.553.704.999	1.553.704.999
Tổng	**9.326.622.413**	**9.326.622.413**

5.14 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	932,05	932,05
Giá trị tương đương VND	21.536.879	21.536.879

b. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 688/HĐTĐ ngày 28/4/2005 với UBND tỉnh Tiền Giang, vị trí tại khu phố 1, phường 10, tỉnh Tiền Giang.Thời gian thuê từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/01/2046. Mục đích thuê: để sử dụng làm văn phòng và nhà xưởng. Diện tích khu đất thuê là 12.461,2 m^2. Theo hợp đồng này Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	50.836.456.730	21.021.538.482
Doanh thu bán phế liệu	-	27.332.451
Tổng	**50.836.456.730**	**21.048.870.933**
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	***40.589.749.240***	***7.997.397.666***

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	47.716.871.920	18.305.027.379
Giá vốn bán phế liệu	-	32.238.000
Tổng	**47.716.871.920**	**18.337.265.379**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	83.333.434	133.791.490
Tổng	**83.333.434**	**133.791.490**

6.4 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	**801.767.685**	**326.381.027**
Chi phí vật liệu, bao bì	921.267	305.172
Chi phí hoa hồng môi giới	512.585.300	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.856.116	281.397.508
Chi phí bằng tiền khác	56.405.002	44.678.347
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**2.794.347.909**	**2.447.945.454**
Chi phí nhân viên quản lý	1.594.968.728	1.517.198.088
Chi phí vật liệu quản lý	117.431.911	65.643.459
Chi phí khấu hao TSCĐ	89.274.588	89.274.588
Thuế phí và lệ phí	140.592.677	178.042.918
Chi phí dự phòng	72.450.000	49.710.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.252.184	302.825.097
Chi phí bằng tiền khác	334.377.821	245.250.504
Tổng	**3.596.115.594**	**2.774.326.481**

6.5 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập thanh lý TSCD	759.513.318	-
Thu phạt hủy hợp đồng	-	30.000.000
Các khoản khác	13.872	9.276
Tổng	**759.527.190**	**30.009.276**
Chi phí khác		
Chi phí thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	80.200.000	81.600.000
Khoản phạt vi phạm thuế	44.282.261	-
Tổng	**124.482.261**	**81.600.000**
Lợi nhuận khác	**635.044.929**	**(51.590.724)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	241.847.579	19.479.839
Các khoản điều chỉnh tăng:	80.200.000	81.600.000
Chi phí thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	*80.200.000*	*81.600.000*
Các khoản phạt vi phạm thuế	*44.282.261*	-
Thu nhập chịu thuế	*322.047.579*	101.079.839
Lỗ được kết chuyển	(322.047.579)	(101.079.839)
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng	-	-

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**241.847.579**	**19.479.839**
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	**241.847.579**	**19.479.839**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.190.000	1.190.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	**203**	**16**

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.166.215.057	13.234.004.392
Chi phí nhân công	7.031.540.373	6.629.995.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	420.601.701	274.847.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.482.226.618	1.918.995.839
Chi phí khác bằng tiền	1.660.152.691	339.639.651
Tổng	**23.760.736.440**	**22.397.482.419**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Long An	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Bột mì Bình Đông	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Lương thực Trà Vinh	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, và người quản lý khác

Lương, thưởng, thù lao Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Trần Văn Quân	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Ngô Sĩ Tuấn Phương	Nguyên Chủ tịch HĐQT	10.000.000	-
Ông Mai Thành Công	Nguyên Chủ tịch HĐQT	14.000.000	6.000.000
Ông Lê Thanh Kiêm	Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	18.000.000
Ông Nguyễn Phạm Gia Bảo	Thành viên HĐQT	8.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Việt	Thành viên HĐQT	8.000.000	-
Ông Trần Văn Tưởng	Thành viên HĐQT	134.282.600	-
Ông Trần Phương Thảo	Nguyên Thành viên HĐQT	56.956.000	64.700.000
Ông Phạm Anh Vũ	Nguyên Thành viên HĐQT	-	14.400.000
Ông Đoàn Thanh Phong	Nguyên Thành viên HĐQT	133.528.200	148.413.600
Ông Trương Văn Húa	Nguyên Thành viên HĐQT	11.200.000	19.200.000

Lương, thưởng, thù lao Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Nguyễn Tấn Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương	Nguyên Trưởng Ban Kiểm soát	109.974.304	119.604.000
Ông Trịnh Hồng Long	Thành viên	5.000.000	-
Ông Nguyễn Trọng Tài	Thành viên	5.000.000	-
Ông Lâm Anh Tuấn	Nguyên Thành viên	7.000.000	12.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập Ban Điều hành

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Hoàng Anh Tú	Tổng Giám đốc	107.486.062	-
Ông Trần Văn Tưởng	Nguyên Giám đốc	44.340.000	210.166.600
Ông Nguyễn Hồng Nhân	Nguyên Phó Giám đốc	43.624.415	142.733.467

Thu nhập của Người quản lý khác.

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Lê Thị Thanh Hằng	Q.TPNVTH (Phụ trách Kế toán)	102.278.000	107.100.000
Bà Lê Nguyễn Thanh Trà	Thư ký HĐQT (Tạm giữ chức vụ từ ngày 14/08/2023)	83.311.623	-
Bà Trương Nhã Trúc	Kế toán tổng hợp - Thư ký HĐQT (Tạm nghỉ thai sản từ ngày 14/08/2023	73.743.250	105.362.308

b. Giao dịch bán hàng với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng			**40.589.749.240**	**7.997.397.666**
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	19.738.356.400	1.594.922.250
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	20.553.737.840	2.009.668.356
Công ty Lương thực Trà Vinh	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	45.760.000	11.192.550
Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	195.895.000	138.792.500
Công ty Bột mì Bình Đông	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	-	1.401.783.000
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	-	141.546.260
Công ty Lương thực Long An	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	-	78.283.750
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	-	2.621.209.000
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Bán thành phẩm	56.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư công nợ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			**3.240.497.657**	**4.624.865.525**
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	2.083.649.357	3.478.327.964
Công ty Bột mì Bình Đông	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	-	353.667.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con của Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	640.000.000	640.000.000
Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	154.735.100	-
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con của Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	-	152.869.961
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	362.113.200	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Tiền Giang, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Lê Thị Thanh Hằng	Lê Thị Thanh Hằng	Hoàng Anh Tú

CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org